

BÌNH LUẬN**Loại những tác phẩm xưa viết bằng Hán-văn  
ra khỏi văn học Việt-Nam**

*Một vấn đề văn học đã đưa Ấn-Độ vào ngõ bí.  
Đứt khoát được một cuộc tranh luận không lối thoát của Việt Nam*

BÌNH-NGUYỄN LỘC

Từ vài mươi năm nay, một cuộc tranh luận về một vấn đề văn học Việt Nam, chưa ngã ngũ ra sao cả, vì phe thiếu số rất cứng đầu và có luận cứ rất vững. Thiếu số ấy, chỉ gồm có một người là kẻ viết bài này, nhưng y không chịu đầu hàng.

Nhưng nay nước Ấn Độ vĩ đại cũng đang lâm vào một ngõ bí y hệt như thế, và tình thế đã cho thấy rằng thiếu số hữu lý.

Không nhớ ai đã đặt ra vấn đề trước tiên, nhưng vấn đề là như thế này: „Có nên đặt những tác phẩm xưa của ta mà viết bằng Hán-văn, trong nền văn học Việt Nam hay không?“

Hình như toàn thể đều nói là nên, vì các lẽ sau đây:

- 1) Nền văn học của ta nghèo nàn thì không nên loại bớt những tác phẩm hiếm hoi ra.
- 2) Đó là tác phẩm có giá trị.
- 3) Cái chữ Hán ấy, mặc dầu không phải của ta, vẫn được ta dùng để sáng tác vào thời ta chưa có chữ, thì tác phẩm đó là của ta, chớ không phải là của Tàu.

**KẾT LUẬN:** Ta phải tôn kính những tác phẩm đó, và cho nó một chỗ ngồi sang trọng trong văn học ta.

Luận cứ của thiếu số „một“ người là như thế này:

- 1) Có rất nhiều đài danh vọng chớ không phải chỉ có đài văn học. Đài học thuật cũng sang trọng không kém đài văn học chút nào hết, sao cứ nghĩ cách tôn kính các tác phẩm ấy bằng cách thượng nó lên đài văn học?
- 2) Giá trị của tác phẩm, sự hiếm hoi của tác phẩm đáng được ta quý, nhưng đâu có phải chỉ có một cách quý độc nhất là đưa nó lên đài văn học.
- 3) Trung Hoa rất quý những tác phẩm của Lâm Ngữ Đường viết bằng tiếng Anh, nhưng họ quý nó bằng cách khác, bằng cách thượng nó lên đài học thuật chớ

không phải lên đài văn học, không phải vì họ thừa mứa tác phẩm sáng tác, mà vì một lẽ khác. Cái lẽ đó, quốc gia nào cũng biết cả, trừ Việt Nam

Khi mà một tác phẩm được đưa vào văn học, thì học sinh và sinh viên, nhứt định phải học. Nhưng họ làm thế nào để học được? Dĩ nhiên là họ học qua các bản dịch.

Trong một tác phẩm văn chương, phần nghệ thuật lấn hơn phần tư tưởng, mà khi học qua các bản dịch thì phần tư tưởng còn nguyên, nhưng phần nghệ thuật sẽ mất đi chín phần mười. Như vậy còn gì một tác phẩm nghệ thuật nữa? Văn chương phải có cái gì khác hơn là tư tưởng nữa, bằng không, sách luận thuyết là đã đủ lắm rồi, không cần phải bày thêm văn chương làm gì.

Khi mà sinh viên học bài „Côn-Son Ca“ của Nguyễn Trãi thì sinh viên đó không còn học Nguyễn Trãi nữa, mà là học nhà dịch giả Nguyễn-Trọng-Thuật rồi vậy. Như thế thì còn gì Nguyễn Trãi trong đó?

Luận cứ trên đây, không được ai kể đến cả.

Nhưng nước Ấn Độ vừa lâm vào đúng cái ngõ bí đó.

Số là nước Ấn Độ chưa bao giờ thống nhứt ngôn ngữ được cả, trải qua lịch sử của họ. Khi họ thu hồi độc lập, thì họ phải thống nhứt ngôn ngữ. Con người hùng của cuộc thống nhứt đó là ông Nêru. Nhưng là người thực tế, ông Nêru đã tranh đấu cho phương ngữ Anh-Đi là phương ngữ dở hạng bét ở Ấn độ. Nhưng ông Nêru tranh đấu như vậy là ông có mục đích chánh trị hơn là văn học, vì ngôn ngữ Anh-Đi được hơn một trăm triệu người biết, còn các ngôn ngữ khác, có bảnh nhứt cũng chỉ có 50 triệu người biết là tối đa.

Chi phiến là ngôn ngữ Anh-Đi là ngôn ngữ ngoại quốc nó gồm phân nửa tiếng Á-rập và phân nửa tiếng Ba-Tư, đó là ngôn ngữ của các trại quân của hai bọn xâm lăng đó cách đây một ngàn năm.

Ban đầu ngôn ngữ đó tên là OURDOU, Ourdou là thị tổ của danh từ Âu châu HORDE. Horde là một bầy người dã man, vô tổ chức. Người Ấn ghét quân xâm lăng nên gọi họ như vậy chớ hai dân tộc xâm lăng đó đều rất văn minh.

Ngôn ngữ đó vì còn quá mới, chưa sáng tác được gì đáng kể hết. Thế thì sinh viên Ấn Độ học cái gì bây giờ?

Dĩ nhiên là họ phải học tác phẩm của các ngôn ngữ khác, mà ngôn ngữ đẹp nhứt Ấn Độ là ngôn ngữ Bạng-ga-Li, các ngôn ngữ mà thi hào Tagore dùng để sáng tác, được phân thưởng Nobel, và được khắp thế giới cho là phương ngữ đẹp nhứt Ấn Độ.

Nhưng sinh viên Ấn chất vấn chánh phủ. „Chúng tôi học Tagore hay học các dịch giả của Tagore? Các dịch giả đó giữ được tư tưởng của Tagore, còn nghệ thuật của Tagore họ bỏ mất hết, như thế chúng tôi học luận thuyết về tư tưởng là đủ rồi, và văn khoa của đại học thì nên vứt đi.“

Chánh phủ Ấn Độ bí tỉ không trả lời sao cho ổn được cả vì rõ ràng là sinh viên có lý.

Nhưng chánh phủ Ấn cứ chinh những tác phẩm của mấy chục phương ngữ ấy vào văn học, vì ngôn ngữ Anh-Đi không có được lấy một tác phẩm sáng tác nào đáng kể hết. Sự khó chịu của sinh viên cứ kéo dài và nhiều địa phương đã tranh đấu đòi hỏi một chế độ đa-thừa-ngữ (Langues véhicules multiples) mà lần nào cũng bị đàn áp đấm máu, khiến lãnh tụ Potli Sriramulu đã phải tuyệt thực cho đến chết để yêu cầu chánh phủ làm ổn định một tình thế kỳ khôi là bắt sinh viên học văn chương Ấn toàn là qua các bản dịch.

Mà không học sao được, khi những tác phẩm ấy đã được thượng lên đài văn học rồi.

Nếu tác phẩm của Tagore chỉ được quý trọng tôn kính ở đài học thuật thì không có đổ máu. Bọn Anh-Đi sẽ nỗ lực sáng tác, và nghiên cứu các tác phẩm địa phương mà khỏi phải bắt buộc bị học các bản dịch mà trong đó nghệ thuật của tác giả không còn được bao nhiêu.

Đành rằng trên thế giới cũng có lắm trường hợp dịch, rất thành công, nhưng mà rất hiếm, và sự thành công nhưt cũng chỉ giữ được lối 20 phần trăm nghệ thuật của các tác giả mà thôi.

Hiện nay chánh phủ Ấn đang nỗ lực loại bỏ danh từ Á-rập và Ba-Tư trong ngôn ngữ Anh-Đi, thay vào đó bằng Phạn-ngữ.

Nhưng cuộc nỗ lực ấy chỉ làm cho người Ấn phì cười vì Phạn-ngữ là một từ ngữ, không còn mấy ai biết nữa cả, hóa ra trên một trăm triệu người sẵn biết tiếng Anh-Đi lại phải đi học lại hết, mà rồi cũng không thưởng thức được các tác phẩm nổi danh, vì các tác phẩm đó được sáng tác bằng mấy mươi phương ngữ khác chớ không phải bằng Phạn-ngữ.

Cái ngô bí của Ấn Độ làm mệt chánh phủ của họ nhiều hơn ta gấp một trăm lần, vì tất cả tác phẩm mà sinh viên Ấn phải học toàn là bản dịch, không có ngoại lệ, trong khi đó thì nếu sinh viên ta khỏi học Nguyễn Trãi thì chỉ mất dịp học có vài tác phẩm mà thôi.

Nhưng bài toán không phải ở điểm mất nhiều như Ấn Độ, hay mất ít như ta. Bài toán gồm các yếu tố sau đây:

- 1) Khi một tác phẩm được đặt vào văn học thì sinh viên được quyền không học hay không? Câu trả lời hẳn là : KHÔNG. Thế là một yếu tố thứ nhì xuất hiện:
- 2) Khi sinh viên học các bản dịch thì họ học tác giả, hay học dịch giả, học tư tưởng hay học văn chương?
- 3) Yếu tố thứ ba là đây: đài văn học có phải là cái đài sang trọng như nước hay không, còn đài học thuật có phải là đài hạng bét không?  
Nếu trả lời rằng đài học thuật cũng sang trọng không kém thì yếu tố thứ tư, mà cũng là câu trả lời, cũng là lời giải đáp bài toán được thành hình:
- 4) Tôn kính tác phẩm xưa viết bằng ngoại ngữ bằng cách để nó ở đâu cũng được chớ không cứ phải thượng nó lên đài văn học.

Nhưng chúng tôi không thể tin rằng các tác phẩm Hán-văn xưa của ta xứng đáng là tác phẩm (hay) mặc dầu giá trị tham khảo của các tác phẩm ấy phải được ta quý như vàng, như ngọc.

Cụ Phan Bội Châu đâu có phải là dở chữ Hán, thế mà tác phẩm của cụ được người Tàu ghi: „*cũng đường được.*“

Ấy, chúng tôi đã nghe một giáo sư người Pháp phê bình về cuốn „LEGENDES DES TERSES SEREINES“ y hệt như: „*Viết cũng đường được.*“

Như vậy tưởng ta thượng các tác phẩm ấy lên đài học thuật là đủ tỏ lòng tôn kính và quý mến nó, chớ đâu có cần phải thượng nó lên đài văn học Việt Nam.

Cũng nên biết rằng người Ấn sáng tác bằng Anh-ngữ đã được người Anh ca ngợi không tiếc lời như trường hợp Nêru, chẳng hạn. Nhưng nổi danh như là ông S.K. De và S. Radha-Krishnan. Thế mà không vì lý do thừa ngữ Anh-Đi vắng bóng tác phẩm mà Hàn lâm viện Ấn dám đưa hai ông nói trên vào văn học Ấn, bởi vì rồi sinh viên lại phải học các bản dịch nữa và rồi lại có chống đối nữa, vì họ quan niệm rằng một tác phẩm văn chương phải có cái gì nữa, chớ tư tưởng chưa đủ. Cái đó là văn chương. Mà văn chương lại không thể dịch mà vẫn còn được cái gì đáng kể.

Một lần nữa, xin nhấn mạnh rằng không thượng đài văn học những tác phẩm viết bằng ngoại ngữ không hề có nghĩa là không tôn kính, không quý trọng nó. Nếu ta không quý quyển KHÂM ĐỊNH VIỆT SỬ thì ta còn làm sao mà có tài liệu về nhiều giai đoạn của lịch sử ta. Nhưng ta quý Khâm Định bằng cách để nó ở ngăn kệ học thuật, văn hóa, chớ không ở ngăn kệ văn học văn chương.

Có ai dám tự hào lột hết tinh hoa của Nguyễn Du khi họ dịch *BẮC HÀNH THI TẬP* hay không? Nhưng nếu cho Bắc Hành Thi Tập vào văn học Việt Nam thì như định sinh viên phải học các dịch giả không tư tín ấy. Mà các ông đó lại không phải là

Nguyễn Du nữa. Đó là ta sáng tạo thêm một thi sĩ, hoàn toàn không phải là Nguyễn Du, mà thi sĩ tân tạo đó chưa dễ sẽ xứng đáng cho sinh viên học.

Vậy ta cứ trình trọng đặt:

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi*

*Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên*

lên đài văn học của ta, còn:

*Thiên địa phong trần, hồng nhan đa truân*

thì cứ để nó ở phòng sách tham khảo là đủ lắm rồi.

Mà đó là bản dịch thành công, nên ta mới làm thế, chớ trong 100 tác phẩm được dịch, để thường không có lấy một bản dịch thành công như thế.

Người Nhật Bản quí sách một trăm lần hơn ta, thế mà họ để quyển *CỔ SỬ KÝ* của họ vào văn học Nhật, mặc dầu đó là một quyển sử rất dở, lý do khiến họ làm như vậy là vì quyển sử đó viết bằng Nhật-ngữ.

Còn quyển *NHẬT BỐN THƯ KÝ* hay hơn, lại chỉ được xem là sách tham khảo quí báu, vì sách ấy viết bằng chữ Hán.

Sinh viên Nhật Bản, ai cũng biết chữ Hán cả, nhưng họ vẫn khỏi phải học quyển sau như là một áng văn chương vì các lẽ rằng sách ấy là văn chương của Tàu, tuy cũng do người Nhật viết.

Nói một cách khác, trong Văn khoa đại học của họ, ai chọn nhiệm ý *VĂN* mới học *CỔ SỬ KÝ* mà khỏi học *NHẬT BỐN THƯ KÝ*, còn ai chọn *SỬ ĐỊA* thì mới bắt buộc phải học quyển sau. Quyển sau chỉ được xem là tài liệu quan trọng, quí báu vô cùng, nhưng không hề được cho vào văn học sử. Mà văn phẩm Nhật thì cũng chẳng giàu gì hơn văn phẩm ta chút nào hết vào các thời trung cổ và cận kim.

Nên nhớ rằng trước năm 1945 phái quân phiệt Nhật đã lợi dụng quyển *NHẬT BỐN THƯ KÝ* để phát động phong trào tôn quân ái quốc và xâm lăng, tức đó là một cổ thư đã giữ một vai trò quốc học trong mấy mươi năm, nhưng nó vẫn không được xem là tác phẩm của nền văn học Nhật bao giờ cả. Có hai cách quí trọng. Cơm rất quí mà hạt xoàn cũng rất quí, nhưng người ta quí cơm, khác hơn quí Kim cương.

Bạn rất quí mà cha mẹ cũng rất quí, nhưng cũng cứ là quí bạn khác hơn quí cha mẹ.

**BÌNH-NGUYỄN LỘC**

**VĂN BÚT**

Số 2 – XII - 1971

